

BIỆN PHÁP GIÁO DỤC TẠI XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN - NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC KHI ÁP DỤNG TRONG THỰC TIỄN VÀ HƯỚNG HOÀN THIỆN

LẠI SƠN TÙNG*

Biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn là một trong những biện pháp xử lý hành chính mang tính giáo dục, góp phần quan trọng trong công tác phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn có hiệu quả các loại tội phạm và đảm bảo ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tuy nhiên, quá trình triển khai thực hiện biện pháp này trong thực tiễn đã nảy sinh một số khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng các quy định của pháp luật. Trong bài viết này, tác giả chỉ ra một số khó khăn, vướng mắc khi áp dụng biện pháp này trong thực tiễn và đề xuất một số giải pháp để khắc phục những khó khăn, vướng mắc đó.

Từ khóa: Biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, Bộ luật Hình sự năm 2015.

Ngày nhận bài: 16/10/2021; Biên tập xong: 28/11/2021; Duyệt đăng: 18/04/2022

Compulsory educational measures in the commune is one of the educational administrative handling measures, making an important contribution to the effective prevention and fight against all kinds of crimes and ensuring the political security situation, social order and safety. However, the process of implementing this measure in practice has some difficulties in the application of the regulations of the law. In this article, the author points out some obstacles when applying this measure in practice and proposes some solutions to overcome those problems.

Keywords: Compulsory educational measures in the commune, the 2015 Penal Code.

1. Đặt vấn đề

Biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo quy định tại Điều 89 của Luật Xử lý vi phạm hành chính (XLVPHC) năm 2012 là biện pháp xử lý hành chính được áp dụng đối với người dưới 18 tuổi và người thành niên để giáo dục, quản lý họ tại nơi cư trú trong trường hợp nhận thấy không cần thiết phải cách ly họ khỏi cộng đồng¹. Trong khi đó, biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo quy định tại Điều 95 Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015 là biện pháp giám sát, giáo dục được áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự².

Để áp dụng thống nhất biện pháp này trong thực tiễn, Chính phủ đã ban

hành Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30/9/2013 và Nghị định số 56/2016/NĐ-CP ngày 29/6/2016 (sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP) quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Quá trình triển khai, nhìn chung tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực vi phạm hành chính trên cả nước đã từng bước đi vào nề nếp, góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong nhân dân, đảm bảo tính răn đe trong thi hành pháp luật.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn trong thực tiễn đã gặp phải những khó khăn, vướng mắc nhất định.

¹ Xem: Điều 89 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012

² Xem: Điều 95 Bộ luật Hình sự năm 2015

* *Thạc sĩ, Khoa Cảnh sát kinh tế, Học viện Cảnh sát nhân dân*

2. Những khó khăn, vướng mắc trong các quy định của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2016/NĐ-CP)

Thứ nhất, tại khoản 4 Điều 97 Luật XLVPHC năm 2012 quy định: “Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, cơ quan đã lập hồ sơ phải gửi cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, đồng thời thông báo cho người bị áp dụng. Đối với người chưa thành niên thì còn được thông báo cho cha mẹ hoặc người giám hộ về việc lập hồ sơ. Những người này có quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo”³.

Tuy nhiên, Thông tư số 20/2014/TT-BTP ngày 25/9/2014 của Bộ Tư pháp quy định các biểu mẫu để sử dụng trong quá trình áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn và Thông tư số 42/2014/TT-BCA ngày 25/9/2014 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu sử dụng trong Công an khi áp dụng biện pháp và thi hành biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn; biện pháp thay thế xử lý hành chính quản lý tại gia đình đối với người dưới 18 tuổi thì không ban hành biểu mẫu thông báo cho người bị lập hồ sơ áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc người giám hộ của người bị lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, gây khó khăn cho lực lượng chức năng trong quá trình áp dụng và thực hiện.

Thứ hai, đa số các đối tượng bị lập hồ sơ áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đều là người không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, không có tài sản, trong khi đó Điều 90 Luật XLVPHC năm 2012 quy định đối

tượng bị áp dụng biện pháp giáo dục này phải thực hiện hành vi xâm phạm tài sản, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân; vi phạm trật tự, an toàn xã hội 02 lần trở lên trong 06 tháng nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự... thì bị xử phạt vi phạm hành chính – có thể bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền dẫn đến khó khăn cho việc thi hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Thứ ba, tại điểm đ khoản 2 Điều 4 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP quy định: “Đối tượng là người từ đủ 18 tuổi trở lên, trong 06 tháng đã ít nhất hai lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm phạm tài sản của cơ quan, tổ chức; tài sản, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân hoặc người nước ngoài; vi phạm trật tự an toàn, xã hội...” nhưng lại không luận giải rõ thế nào là hành vi “vi phạm trật tự, an toàn xã hội” gây khó khăn trong quá trình áp dụng biện pháp xử lý.

3. Những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện các nội dung quy định của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2016/NĐ-CP)

Thứ nhất, việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn do Trưởng công an xã lập. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã giao hồ sơ cho công chức Tư pháp - Hộ tịch kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 16 của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP trước khi ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Tuy nhiên, trên thực tế, do công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã đảm nhận quá nhiều đầu việc của công tác tư pháp nên việc kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã,

³ Xem: Khoản 4 Điều 97 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012

phường, thị trấn nhiều lúc gặp khó khăn, nhất là ở những đơn vị cấp xã có 01 công chức Tư pháp – Hộ tịch.

Thứ hai, việc áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính theo Nghị định số 111/2013/NĐ-CP và quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc có nêu trong thời gian chờ làm thủ tục áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, các đối tượng cai nghiện sẽ được giao cho các tổ chức chính trị - xã hội như Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội cựu chiến binh... quản lý. Tuy nhiên, các tổ chức này lại không có chuyên môn về y tế, thiếu cơ sở vật chất để đáp ứng yêu cầu công tác quản lý, giáo dục người nghiện ma túy.

Thứ ba, về quy định việc thu thập thông tin, tài liệu để lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người nghiện ma túy:

Theo khoản 2 Điều 11 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP quy định: *“Đối với người nghiện ma túy, ngoài những thông tin quy định tại khoản 1 Điều này, thì phải xác định tình trạng nghiện ma túy hiện tại của họ.*

Việc xác định tình trạng nghiện ma túy được thực hiện theo quy định của Bộ Y tế, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Công an về thẩm quyền, thủ tục và quy trình xác định tình trạng nghiện ma túy”.

Bên cạnh đó, theo quy định tại Điều 3, Thông tư liên tịch số 175/2015/TTLT-BYT-BLĐTBXH-BCA ngày 09/7/2015 quy định thẩm quyền, thủ tục và quy trình xác định tình trạng nghiện ma túy như sau: “Người có thẩm quyền xác định tình trạng nghiện ma túy là bác sỹ hoặc y sỹ có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, có chứng chỉ hoặc chứng nhận tập huấn về chuẩn đoán và điều trị cắt cơn nghiện ma túy do Cục Quản lý Khám,

chữa bệnh – Bộ Y tế, Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc tổ chức hoặc các bệnh viện, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có đủ điều kiện thực hiện tập huấn và cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận được Bộ Y tế giao...”.

Trên cơ sở các quy định nêu trên, có thể thấy, đối với đối tượng là người nghiện ma túy, muốn đưa đối tượng đi cai nghiện bắt buộc, đầu tiên phải xác định tình trạng nghiện rồi xử phạt hành chính, sau đó đưa về giáo dục tại xã, phường, thị trấn; nếu tái nghiện mới đưa đi cai nghiện bắt buộc. Tuy nhiên, quy định này chưa thể đáp ứng được với y, bác sỹ các trạm y tế xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn nên việc xác định tình trạng người nghiện ma túy ở các địa bàn này để đưa đi giáo dục còn gặp rất nhiều khó khăn.

Hơn thế nữa, theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư liên tịch số 17/2015/TTLT-BYT-BLĐTBXH-BCA, để xác định tình trạng nghiện, thì thời gian theo dõi để xác định tình trạng nghiện ma túy đối với nhóm OPIATS (các chất dạng thuốc phiện) là 03 ngày, nhóm ma túy tổng hợp chất dạng AMPHETAMINE (ATS) là 05 ngày. Nhưng Luật XLVPHC lại không có quy định về việc tạm giữ người theo thủ tục hành chính trong trường hợp xác định tình trạng nghiện ma túy mà theo quy định tại khoản 1 Điều 122 Luật XLVPHC (đã được sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Điều 102 Luật Hải quan năm 2014) thì *“việc tạm giữ người theo thủ tục hành chính chỉ được áp dụng trong trường hợp cần ngăn chặn, đình chỉ ngay những hành vi gây rối trật tự công cộng, gây thương tích cho người khác hoặc có căn cứ cho rằng có hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới”* cho nên các địa phương gần như gặp khó khăn trong việc lưu giữ đối tượng để xác định tình trạng nghiện ma túy. Mặt khác, Thông tư này cũng mới chỉ quy định

được quy trình xác định tình trạng nghiện đối với hai loại chất ma túy, đó là ma túy nhóm OPIATS (chất dạng thuốc phiện) và ma túy tổng hợp dạng AMPHETAMINE (ATS). Đây chỉ là hai loại phổ biến nhất, trong số rất nhiều loại chất ma túy hiện có trên thực tế nhiều loại ma túy không thuộc nhóm ATS và nhóm OPIATS đã được sử dụng ở nước ta song chưa có sinh phẩm xét nghiệm tìm chất này trong cơ thể người như chất XLR-11 (cỏ mỹ) cũng như hướng dẫn xác định tình trạng nghiện. Và việc đối tượng không hợp tác với cơ sở y tế để xác định tình trạng nghiện cũng là vấn đề khó khăn bởi vì pháp luật chưa có biện pháp chế tài đối với trường hợp này và cũng chưa quy định cơ quan nào có trách nhiệm quản lý đối tượng này trong thời gian chờ kết quả xác định của cơ quan y tế. Ngoài những khó khăn nêu trên thì điều kiện cơ sở vật chất và nhân lực tại các cơ sở y tế cũng là vấn đề khó. Hiện nay hầu hết các cơ sở y tế địa phương chưa được trang bị điều kiện cơ sở vật chất theo quy định tại Điều 7 Thông tư liên tịch số 17/2015/TTLT-BYT-BLĐTBXH-BCA, cũng như không có đủ cán bộ có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để xác định tình trạng nghiện (do lực lượng đã được tập huấn nghiệp vụ nghỉ hưu, chuyển công tác chưa bố trí người có nghiệp vụ thay thế), nhất là việc xác định tình trạng nghiện ngoài giờ hành chính.

Thứ tư, theo quy định tại điểm g khoản 5 Điều 18 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP và được sửa đổi tại điểm d khoản 1 Điều 1 Nghị định số 56/2016/NĐ-CP, đối với người nghiện ma túy thuộc trường hợp bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thì ngoài việc bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn còn phải lựa chọn hình thức cai nghiện tự nguyện tại gia đình hoặc cộng đồng hoặc tham gia chương trình điều trị cai nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc

thay thế theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, việc tổ chức cho các đối tượng nghiện cai nghiện tại gia đình, cai nghiện tại cộng đồng không mang lại hiệu quả, có nguy cơ tái nghiện cao vì những lý do sau: (i) Gia đình không thể quản lý được các đối tượng này, không có chuyên môn giúp các đối tượng cắt cơn nghiện, không có phác đồ điều trị; (ii) Nhiều địa phương chưa được trang bị đủ cơ sở vật chất, thuốc thay thế, cán bộ có trình độ chuyên môn cắt cơn nghiện; (iii) Việc yêu cầu người nghiện ký cam kết về việc tự nguyện cai nghiện, điều trị nghiện là không khả thi. Ngoài ra, việc quy định thời gian giáo dục tại xã, phường, thị trấn và thời gian cai nghiện tại cộng đồng không đồng nhất làm cho địa phương gặp nhiều khó khăn. Theo quy định tại Nghị định số 111/2013/NĐ-CP thì thời hạn áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn là từ 03-06 tháng; trong khi đó Nghị định 94/2010/NĐ-CP quy định thời gian cai nghiện tại gia đình, cộng đồng là từ 06-12 tháng. Do đó, sau khi áp dụng xong biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thì đối tượng vẫn áp dụng biện pháp cai nghiện tại cộng đồng. Nhưng trong thời gian cai nghiện này, đối tượng vẫn tiếp tục tái nghiện thì địa phương không thể đưa đối tượng đi cai nghiện bắt buộc do vẫn còn trong thời gian cai nghiện tại gia đình, cộng đồng.

Thứ năm, về biểu mẫu áp dụng

Hiện nay, cùng một nội dung áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn nhưng có 02 Thông tư quy định về biểu mẫu đó là Thông tư số 20/2014/TT-BTP ngày 25/9/2014 của Bộ Tư pháp quy định các biểu mẫu để sử dụng trong quá trình áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn và Thông tư số 42/2014/TT-BCA ngày 25/9/2014 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu sử dụng trong công an khi áp dụng biện pháp và thi hành biện pháp

xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Việc quy định như vậy đã gây ra những khó khăn, bất cập nhất định trong quá trình triển khai thực hiện ở hầu hết các địa phương trên cả nước.

3. Kiến nghị, đề xuất

Trên cơ sở những khó khăn, vướng mắc được nêu ở trên, để nâng cao hiệu quả áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn trong thời gian tới, tác giả đề xuất một số nội dung cụ thể như sau:

Một là, đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, tránh chồng chéo về mặt nội dung. Cụ thể, hợp nhất Thông tư số 20/2014/TT-BTP ngày 25/9/2014 của Bộ Tư pháp quy định các biểu mẫu để sử dụng trong quá trình áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn và Thông tư số 42/2014/TT-BCA ngày 25/9/2014 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu sử dụng trong công an khi áp dụng biện pháp và thi hành biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn thành một Thông tư để thuận lợi hơn khi áp dụng. Trong đó chú ý bổ sung, ban hành thêm biểu mẫu thông báo cho người bị lập hồ sơ áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc người giám hộ của người bị lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đảm bảo sự phù hợp giữa khoản 4 Điều 97 Luật XLVPHC năm 2012 với Thông tư quy định biểu mẫu để sử dụng trong quá trình áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

Hai là, kiến nghị Quốc hội và Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định tại Luật XLVPHC năm 2012 và Nghị định số 111/2013/NĐ-CP chưa phù hợp, cụ thể tại khoản 1 Điều 122 Luật XLVPHC năm 2012 cần bổ sung thêm “việc tạm giữ người theo thủ tục hành chính

chỉ được áp dụng trong trường hợp cần ngăn chặn, đình chỉ ngay những hành vi gây rối trật tự công cộng, gây thương tích cho người khác hoặc đối với đối tượng cần lưu giữ để xác định tình trạng nghiện ma túy...”. Thống nhất một khung thời hạn chung từ 03 đến 06 tháng trong việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn với biện pháp cai nghiện tự nguyện tại gia đình hoặc cộng đồng hoặc tham gia chương trình điều trị cai nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế theo quy định của pháp luật, đảm bảo sự đồng nhất giữa Nghị định số 111/2013/NĐ-CP với Nghị định số 94/2010/NĐ-CP. Ngoài ra, cần có chế tài xử lý thật nghiêm đối với trường hợp đối tượng không hợp tác với cơ sở y tế để xác định tình trạng nghiện, trong đó phân công nhiệm vụ cho lực lượng công an cấp cơ sở có trách nhiệm quản lý đối tượng này trong thời gian chờ kết quả giám định của cơ quan y tế.

Mặt khác, kiến nghị với Chính phủ cần có những luận giải rõ hơn về hành vi “vi phạm trật tự, an toàn xã hội” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 4 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP bao gồm những hành vi, những nhóm hành vi cụ thể nào để thuận tiện hơn trong việc xác định đối tượng, thời hiệu và thời hạn áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Mặt khác, đối với các đối tượng bị lập hồ sơ áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn là người không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, không có tài sản cần có văn bản hướng dẫn cụ thể trong trường hợp đối tượng không thể nộp phạt bằng tiền thì cha mẹ, người thân trong gia đình với đối tượng có thể nộp phạt hộ nhằm nêu cao tinh thần trách nhiệm, huy động sự tham gia của gia đình với lực lượng chức năng trong việc giáo dục đối tượng tại xã, phường, thị trấn.

Ba là, Bộ Y tế cần chủ động chỉ đạo các đơn vị chức năng tổ chức tập huấn,

cấp chứng chỉ cho nhóm đối tượng có thẩm quyền xác định người nghiện ma túy, trong đó chú trọng quan tâm tới các đối tượng công tác tại các trạm y tế xã, thị trấn thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn. Chú trọng việc trang bị cơ sở vật chất cho các cơ sở y tế địa phương theo đúng quy định tại Điều 7 Thông tư liên tịch số 17/2015/TTLT-BYT-BLĐT BXH-BCA. Bên cạnh đó, cung cấp các trang thiết bị y tế cần thiết và bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn về y tế cho cán bộ trong các tổ chức chính trị - xã hội như Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh... để đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong việc quản lý, giáo dục đối với các đối tượng cai nghiện trong thời gian chờ làm thủ tục áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Bên cạnh đó, Bộ Y tế cần nghiên cứu và có văn bản hướng dẫn cụ thể trong việc xác định tình trạng nghiện đối với các loại chất ma túy không thuộc nhóm OPIATS (chất dạng thuốc phiện) và ma túy tổng hợp dạng AMPHETAMINE (ATS).

Bốn là, cơ quan có thẩm quyền cần xem xét, bổ sung cấp kinh phí, trang bị cơ sở vật chất cần thiết cho các đơn vị, cá nhân làm công tác thi hành giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo khoản 3 Điều 8 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP và Thông tư số 193/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 12/12/2014 về Quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Đối với những địa bàn xã, phường, thị trấn trọng điểm mà lực lượng làm công tác tư pháp còn mỏng, đầu mỗi công việc nhiều thì Bộ Tư pháp cần nghiên cứu, xem xét bổ sung thêm biên chế cán bộ công chức Tư pháp – Hộ tịch để việc kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được diễn ra theo đúng thời gian quy định.

Năm là, Bộ Công an, Bộ Tư pháp cần tăng cường tổ chức tập huấn chuyên sâu cho cán bộ làm công tác hướng dẫn, kiểm tra và cán bộ trực tiếp làm hồ sơ áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo Nghị định số 113/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2016/NĐ-CP). Bên cạnh đó, cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể ở địa phương cần thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, không nên xem đó là nhiệm vụ của cơ quan Công an, mà coi đây là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn dân, nếu làm tốt vấn đề này sẽ hạn chế người vi phạm pháp luật.

Sáu là, lực lượng công an, lực lượng tư pháp... cấp xã, phường, thị trấn cần tiếp tục tổ chức tuyên truyền về chủ trương của Nhà nước trong công tác quản lý, giáo dục người vi phạm tại cơ sở nhằm nâng cao nhận thức của cá nhân, tổ chức về tầm quan trọng và tác dụng của biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; khơi dậy và phát huy trong nhân dân truyền thống đoàn kết, tương thân, tương ái, giúp đỡ, cảm hóa người lầm lỗi, giúp họ mau chóng trở thành người tiến bộ; đề ra được giải pháp, biện pháp quản lý, giáo dục khoa học, hợp lý, phù hợp với tâm tư, nguyện vọng của từng đối tượng; xác định trách nhiệm cụ thể của chính quyền, tổ chức xã hội trong việc quản lý, giáo dục, cảm hóa người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; vận động đối tượng và các gia đình có con em vi phạm đang bị áp dụng biện pháp này để hạn chế tình trạng đối tượng tái phạm. Đồng thời cần tăng cường công tác nắm tình hình trên địa bàn mình quản lý để kịp thời phát hiện và đưa các đối tượng đủ điều kiện vào giáo dục tại xã, phường, thị trấn nhằm phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác./.